

GIÁ TRỊ CỐT LÕI DẪN LỐI SINH VIÊN ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN TRONG THỜI ĐẠI MỚI

The core values guiding Long An University of Economics and Industry students in the new era

Đặng Thị Phương Phi¹

¹ Chủ tịch hội đồng Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tây Ninh, Việt Nam
dang.phu@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, giáo dục đại học Việt Nam đứng trước yêu cầu không chỉ truyền đạt tri thức chuyên môn mà còn phải rèn luyện năng lực thực hành và trách nhiệm xã hội cho sinh viên. Nghiên cứu này phân tích vai trò định hướng của triết lý giáo dục “Tri – Hành – Đạt Nhân” tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An. Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng, dựa trên phân tích tài liệu và đối chiếu với các thực nghiệm quốc tế như học tập dự án (Hoa Kỳ), học tập hiện tượng (Phần Lan), học tập gắn với cộng đồng (Nhật Bản) và khung Giáo dục công dân toàn cầu của UNESCO. Kết quả cho thấy ba trụ cột của mô hình phù hợp với xu hướng giáo dục toàn cầu: Tri gắn với tri thức số và học tập suốt đời; Hành nhấn mạnh trải nghiệm và năng lực thích ứng; Đạt Nhân đề cao đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cộng đồng. Bài báo kết luận rằng mô hình này không chỉ là kim chỉ nam cho sinh viên DLA mà còn có thể trở thành khung tham chiếu hữu ích cho giáo dục đại học Việt Nam trong thời kỳ số hóa.

Abstract — In the era of digital transformation and global integration, Vietnamese higher education is required not only to transmit academic knowledge but also to cultivate students’ practical competencies and social responsibility. This study examines the guiding role of the educational philosophy “Tri – Hành – Đạt Nhân” (Knowledge – Action – Humane Development) at Long An University of Economics and Industry (DLA). A qualitative approach was adopted, drawing on literature analysis and comparative insights from international practices such as project-based learning in the United States, phenomenon-based learning in Finland, community-based learning in Japan, and UNESCO’s Global Citizenship Education framework. The findings indicate that the three pillars of the model align with global trends: Tri emphasizes digital literacy and lifelong learning; Hành highlights experiential education, adaptability, and problem-solving; and Đạt Nhân fosters professional ethics, social responsibility, and global citizenship. Despite existing challenges in infrastructure, digital competence, and faculty development, the model demonstrates strong potential for shaping holistic student development. The study concludes that “Tri – Hành – Đạt Nhân” not only serves as a compass for DLA students but also provides a valuable framework for Vietnamese higher education to integrate core values, technological innovation, and sustainable development in the digital era.

Từ khóa — Giá trị cốt lõi; Tri – Hành – Đạt Nhân; giáo dục đại học; chuyển đổi số; học tập trải nghiệm; đạo đức nghề nghiệp; trách nhiệm xã hội.

1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

1.1. Bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam

Trong thập niên gần đây, giáo dục đại học Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ từ quá trình chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Các chính sách quốc gia đã đặt mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu số, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào giảng dạy. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai còn khó khăn bao gồm sự chênh lệch về năng lực số giữa sinh viên, hạn chế về hạ tầng công nghệ và sự thiếu đồng đều về năng lực số của đội ngũ giảng viên (Mai, 2023). Trong bối cảnh đó, các trường đại học Việt Nam cần tìm kiếm mô hình giáo dục vừa đảm bảo

trang bị tri thức công nghệ, vừa bồi dưỡng đạo đức và trách nhiệm xã hội cho sinh viên. Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An (DLA) đã xác định triết lý “**Tri – Hành – Đạt Nhân**” làm giá trị cốt lõi cho chiến lược phát triển. Triết lý này hướng đến việc cân bằng giữa ba yếu tố: Tri (tri thức), Hành (thực hành) và Đạt Nhân (nhân cách, trách nhiệm xã hội). Để làm rõ cơ sở khoa học và sự phù hợp của triết lý này, việc tham chiếu và đối chiếu với lý thuyết giáo dục hiện đại cũng như các thực nghiệm quốc tế là cần thiết.

1.2. Lý thuyết về gắn kết tri thức – thực hành – nhân cách

Nền tảng lý luận của việc gắn kết tri thức, hành động và nhân cách bắt nguồn từ nhiều trường

<https://doi.org/10.63783/dla.2025.050>

Ngày nộp bài: 25/08/2025; Ngày nhận bản chỉnh sửa: 20/09/2025; Ngày duyệt đăng: 24/09/2025

phái giáo dục. Theo Dewey (1938) học tập có ý nghĩa nhất khi được trải nghiệm, giúp người học biến tri thức thành hành động. Kolb (1984) phát triển lý thuyết này với mô hình “học tập trải nghiệm” (experiential learning), trong đó “kinh nghiệm – phản tư – khái niệm hóa – thử nghiệm” là động lực hình thành năng lực nghề nghiệp.

Các tiếp cận hiện đại tiếp tục khẳng định vai trò của giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội. Nho (2016) nhấn mạnh rằng giáo dục đạo đức nghiên cứu (research ethics education) tại Hàn Quốc đã góp phần khắc phục khác biệt giá trị và văn hóa, đồng thời nâng cao tính toàn cầu của sinh viên sau đại học. Tương tự, UNESCO (2025) thông qua báo cáo Community-Based Learning in Higher Education khẳng định rằng học tập gắn với cộng đồng không chỉ nâng cao kỹ năng thực tiễn mà còn nuôi dưỡng trách nhiệm xã hội và công dân toàn cầu của sinh viên.

1.3. Kinh nghiệm quốc tế

Các thực nghiệm quốc tế đã cho thấy mô hình gắn kết tri thức – thực hành – nhân cách có tính khả thi và mang lại hiệu quả rõ rệt:

- **Phần Lan:** Schaffar và Wolff (2024) phân tích lịch sử và nền tảng triết học của phenomenon-based learning (PhBL), cho thấy phương pháp này được xây dựng trên nền tảng tư duy kiến tạo (constructivism), giáo dục khai phóng (Bildung) và các phương pháp học tập chủ động như PBL (problem-based learning) và IBL (inquiry-based learning). Nghiên cứu khẳng định PhBL thúc đẩy khả năng học liên ngành, hợp tác và giải quyết vấn đề phức hợp.
- **Khái niệm PhBL mở rộng:** Wolff (2022) nhấn mạnh các đặc điểm cốt lõi của PhBL như định hướng liên ngành, lấy người học làm trung tâm, kết nối vấn đề thực tiễn với kỹ năng thế kỷ XXI, qua đó hình thành năng lực toàn diện cho sinh viên.
- **Hàn Quốc:** Như Nho (2016) chỉ ra, giáo dục đạo đức nghiên cứu giúp sinh viên phát triển khả năng hành động phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời duy trì chuẩn mực nghề nghiệp.
- **UNESCO:** Báo cáo (2025) về Community-Based Learning in Higher Education khẳng định mô hình học tập gắn với cộng đồng là công cụ quan trọng để đào tạo công dân toàn cầu, khuyến khích sinh viên áp dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề xã hội, từ đó phát triển năng lực nhân cách và trách nhiệm xã hội.

1.4. Khoảng trống nghiên cứu

Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục đại học mới chỉ tập trung vào thách thức hạ tầng, năng lực số và quản trị (Mai, 2023). Ít có nghiên cứu đi sâu vào việc tích hợp đồng thời tri thức công nghệ, năng lực hành động và trách nhiệm xã hội trong một khung mô hình giá trị cốt lõi.

Đối với DLA, triết lý “Tri – Hành – Đạt Nhân” đã xác định rõ ràng, nhưng việc phân tích, chứng minh tính tương thích của mô hình này với các thực nghiệm quốc tế và lý thuyết giáo dục hiện đại vẫn còn hạn chế. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài báo này hướng tới, nhằm góp phần khẳng định giá trị thực tiễn và học thuật của mô hình trong bối cảnh chuyển đổi số của Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng **phương pháp định tính** nhằm phân tích, tổng hợp và đối chiếu các kinh nghiệm quốc tế với bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Tiếp cận định tính được lựa chọn vì nó cho phép nghiên cứu sâu vào **ý nghĩa và bối cảnh** của hiện tượng, thay vì chỉ tập trung vào đo lường số liệu. Theo Creswell (2014), phương pháp định tính đặc biệt phù hợp khi nghiên cứu những vấn đề phức hợp liên quan đến giá trị, văn hóa và chuyển đổi xã hội – những yếu tố khó nắm bắt bằng khảo sát định lượng.

Trong trường hợp của DLA, mục tiêu không phải là thống kê hay đo lường, mà là **hiểu rõ vai trò và ý nghĩa của triết lý “Tri – Hành – Đạt Nhân”** trong bối cảnh chuyển đổi số. Do đó, nghiên cứu tập trung vào việc phân tích tài liệu học thuật, chính sách, và thực nghiệm quốc tế để xây dựng khung vận dụng cho sinh viên DLA.

2.2. Nguồn dữ liệu

Để đảm bảo tính toàn diện và tin cậy, nghiên cứu sử dụng bốn nhóm nguồn dữ liệu:

Tài liệu lý thuyết kinh điển của Dewey (1938) với triết lý learning by doing và Kolb (1984) với mô hình experiential learning cung cấp nền tảng lý luận cho sự kết nối giữa tri thức và hành động.

Nghiên cứu quốc tế đương đại gồm:

- Schaffar & Wolff (2024) phân tích lịch sử và triết học của phenomenon-based learning (PhBL) tại Phần Lan, liên hệ với PBL, IBL và truyền thống Bildung.
- Wolff (2022) cung cấp định nghĩa và đặc

điểm cốt lõi của PhBL, nhấn mạnh tính liên ngành, học sinh trung tâm, gắn với kỹ năng thế kỷ XXI.

- UNESCO (2025) với báo cáo Community-based learning in higher education làm rõ vai trò của học tập gắn với cộng đồng trong phát triển công dân toàn cầu.

Nghiên cứu khu vực Đông Á của Nho (2016) về research ethics education tại Hàn Quốc, phân tích cách giáo dục đạo đức vượt qua khác biệt giá trị và văn hóa, gợi mở cho “Đạt Nhân” tại Việt Nam. **Bối cảnh Việt Nam** nghiên cứu của Mai (2023) về Digital Transformation in Higher Education in Vietnam Today trong Revista GeSec, phản ánh thách thức và cơ hội của giáo dục đại học Việt Nam trong thời kỳ số hóa.

2.3. Quy trình nghiên cứu

Quy trình được tiến hành theo bốn bước chính:

Thu thập tài liệu các nguồn được lấy từ cơ sở dữ liệu quốc tế (Taylor & Francis, Springer, Scopus, ERIC) và các báo cáo chính thức (UNESCO), cùng với các nghiên cứu trong nước.

Phân loại và mã hóa các tài liệu được phân loại theo ba trụ cột của mô hình “Tri – Hành – Đạt Nhân”:

- Tri: Tri thức, công nghệ, năng lực số, học tập suốt đời.
- Hành: Kỹ năng thực hành, thích nghi, học tập trải nghiệm.
- Đạt Nhân: Đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, công dân toàn cầu.

Phân tích so sánh – đối chiếu kinh nghiệm Phần Lan (PhBL), Hoa Kỳ (PBL), Nhật Bản / UNESCO (community-based learning), Hàn Quốc (đạo đức nghiên cứu) với bối cảnh chuyển đổi số của Việt Nam.

Xây dựng khung vận dụng cho DLA trên cơ sở tổng hợp, nghiên cứu đề xuất khung ứng dụng cụ thể cho sinh viên DLA, trong đó ba trụ cột “Tri – Hành – Đạt Nhân” được tích hợp cùng công nghệ số và phát triển bền vững.

2.4. Tính giá trị và giới hạn của nghiên cứu

Phương pháp định tính mang lại **giá trị phân tích sâu** và cho phép nhận diện mối liên hệ giữa lý thuyết quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu là thiếu các số liệu định lượng để đo lường mức độ tác động cụ thể của mô hình “Tri – Hành – Đạt Nhân” đối với kết quả học tập hay năng lực việc làm. Do đó, kết quả nghiên cứu này cần được coi như một **nền tảng lý luận và gợi mở định hướng** và các nghiên cứu tiếp theo

nên sử dụng khảo sát định lượng để kiểm chứng.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. “Tri” – Tri thức và năng lực số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, tri thức không còn được hiểu đơn thuần là việc tiếp nhận thông tin mà còn bao hàm **năng lực số và khả năng học tập suốt đời**. Ở Phần Lan, phenomenon-based learning (PhBL) được phát triển như một phương pháp giáo dục lấy hiện tượng thực tế làm trung tâm, giúp sinh viên hình thành tri thức liên ngành và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp (Schaffar & Wolff, 2024). Wolff (2022) bổ sung rằng PhBL có cội nguồn từ constructivism, pragmatism và phenomenology, nhấn mạnh khả năng kết nối tri thức với kỹ năng thế kỷ XXI.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục đại học vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra thách thức. Mai (2023) chỉ ra rằng mặc dù các trường đã triển khai LMS, học liệu mở và giảng dạy trực tuyến, nhưng sự chênh lệch về năng lực số của giảng viên và sinh viên vẫn là rào cản lớn. Đối với DLA, trụ cột “Tri” đã được cụ thể hóa bằng việc đưa vào các học phần công nghệ số, dữ liệu lớn, ngoại ngữ chuyên ngành, đồng thời yêu cầu sinh viên đạt chuẩn đầu ra về năng lực số.

Kết quả này cho thấy “Tri” không chỉ là việc “biết”, mà là **biết đúng, biết đủ, và biết cách vận dụng công nghệ để thích ứng với môi trường số** – một yếu tố then chốt cho khả năng hội nhập quốc tế của sinh viên.

3.2. “Hành” – Học tập qua trải nghiệm và khả năng thích nghi

Dewey (1938) khẳng định rằng tri thức chỉ thực sự có ý nghĩa khi được vận dụng trong trải nghiệm thực tế. Kolb (1984) phát triển lý thuyết học tập trải nghiệm, trong đó chu trình “kinh nghiệm – phản tư – khái niệm hóa – thử nghiệm” giúp sinh viên biến tri thức thành năng lực hành động. Các nghiên cứu quốc tế cũng củng cố quan điểm này: PhBL ở Phần Lan hay community-based learning được UNESCO (2025) khuyến nghị đều coi trải nghiệm thực tiễn là cốt lõi của việc học.

Tại DLA, triết lý “Hành” được triển khai thông qua nhiều hoạt động gắn kết lý thuyết với thực tiễn:

- **Học kỳ doanh nghiệp:** Sinh viên tham gia trực tiếp vào quy trình làm việc thực tế, ứng dụng công cụ số như phân tích dữ liệu và báo cáo trực tuyến.
- **Dự án cộng đồng liên ngành:** Sinh viên khoa Kế toán, Quản trị, Luật hợp tác giải quyết các vấn đề xã hội, chẳng hạn tư vấn

tài chính và pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ.

- **Mô phỏng tình huống nghề nghiệp:** Như phiên tòa giả định, mô phỏng hội nghị cổ đông, qua đó sinh viên được rèn kỹ năng xử lý tình huống phức tạp.

Kết quả này cho thấy “**Hành**” tại DLA đã trở thành công cụ quan trọng để rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, đồng thời rèn luyện năng lực thích nghi – một kỹ năng sống còn trong kỷ nguyên số.

3.3. “Đạt Nhân” – Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội

Trong giáo dục đại học, việc đào tạo con người toàn diện không thể tách rời yếu tố đạo đức và trách nhiệm xã hội. Nho (2016) nhấn mạnh rằng giáo dục đạo đức nghiên cứu (research ethics education) tại Hàn Quốc giúp sinh viên vượt qua sự khác biệt về văn hóa và hệ giá trị, từ đó hình thành bản lĩnh nghề nghiệp và năng lực toàn cầu. UNESCO (2025) cũng cho rằng học tập gắn với cộng đồng không chỉ là phương pháp đào tạo kỹ năng, mà còn là cách để sinh viên nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với xã hội.

Tại DLA, trụ cột “**Đạt Nhân**” được thể hiện qua ba hướng chính:

1. **Giáo dục đạo đức nghề nghiệp:** Thông qua các học phần, seminar và tình huống giả định về xung đột lợi ích, đạo đức nghề nghiệp, sinh viên học cách ra quyết định có trách nhiệm.
2. **Hoạt động tình nguyện chuyên môn:** Sinh viên áp dụng kiến thức để phục vụ cộng đồng, như tư vấn kế toán cho hộ kinh doanh nhỏ, phổ biến pháp luật cho người dân địa phương.
3. **Phát triển công dân toàn cầu:** Các seminar song ngữ, trao đổi học thuật với diễn giả quốc tế, và chuyên đề về “AI và đạo đức” giúp sinh viên kết nối giữa tri thức số và chuẩn mực nhân văn.

Điều này cho thấy “**Đạt Nhân**” không phải là một mục tiêu xa vời, mà là **một quá trình rèn luyện liên tục, giúp sinh viên trưởng thành vừa về nghề nghiệp, vừa về nhân cách.**

3.4. Thảo luận chung

Tổng hợp ba trụ cột “**Tri – Hành – Đạt Nhân**”, có thể thấy mô hình tại DLA có nhiều điểm tương thích với xu hướng giáo dục quốc tế:

- Về “**Tri**”: gắn với PhBL của Phần Lan trong việc tích hợp tri thức liên ngành và công nghệ số.

- Về “**Hành**”: Phù hợp với khuyến nghị của UNESCO về học tập gắn với cộng đồng, coi trải nghiệm thực tiễn là trung tâm.
- Về “**Đạt Nhân**”: Có sự tương đồng với giáo dục đạo đức nghiên cứu ở Hàn Quốc, nhấn mạnh việc vượt qua khác biệt giá trị và phát triển năng lực công dân toàn cầu.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số thách thức:

- **Hạ tầng công nghệ:** Chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc triển khai toàn diện AI và công cụ số.
- **Chênh lệch năng lực số:** Sinh viên từ khu vực nông thôn còn hạn chế về kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ.
- **Đội ngũ giảng viên:** Cần tiếp tục được đào tạo về phương pháp giảng dạy tích cực và ứng dụng công nghệ.

Nhìn chung, kết quả phân tích cho thấy mô hình “**Tri – Hành – Đạt Nhân**” có tính khả thi và ý nghĩa lớn, đặc biệt khi áp dụng trong bối cảnh Đồng bằng sông Cửu Long, nơi yêu cầu đào tạo nhân lực không chỉ giỏi chuyên môn, mà còn có bản lĩnh thích ứng và trách nhiệm xã hội.

4. Kết luận và kiến nghị

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu, giáo dục đại học Việt Nam đang đối mặt với những yêu cầu mới: Vừa phải trang bị tri thức chuyên môn gắn với công nghệ số, vừa phải rèn luyện năng lực hành động thực tiễn và bồi dưỡng nhân cách, trách nhiệm xã hội. Kết quả phân tích cho thấy triết lý “**Tri – Hành – Đạt Nhân**” của DLA có tính tương thích cao với xu hướng giáo dục quốc tế và có khả năng trở thành khung tham chiếu hữu ích cho giáo dục đại học Việt Nam.

- Trụ cột “**Tri**” nhấn mạnh việc trang bị kiến thức chuyên sâu đi cùng với năng lực số và khả năng học tập suốt đời. Kinh nghiệm từ phenomenon-based learning ở Phần Lan cho thấy tri thức cần được thiết kế liên ngành và gắn với kỹ năng thế kỷ XXI (Schaffar & Wolff, 2024; Wolff, 2022).
- Trụ cột “**Hành**” khẳng định giá trị của trải nghiệm thực tiễn trong học tập. Tư tưởng của Dewey (1938) và mô hình học tập trải nghiệm của Kolb (1984) minh chứng rằng tri thức chỉ có ý nghĩa khi gắn với hành động. Tại DLA, học kỳ doanh nghiệp và dự án cộng đồng là minh chứng cho việc chuyển hóa tri thức thành hành động.
- Trụ cột “**Đạt Nhân**” nhấn mạnh đến đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Nho (2016) chỉ ra rằng giáo dục đạo đức có

vai trò vượt qua sự khác biệt về văn hóa, còn UNESCO (2025) chứng minh học tập gắn với cộng đồng là công cụ hiệu quả để phát triển công dân toàn cầu. Các hoạt động tình nguyện chuyên môn và seminar về đạo đức AI tại DLA thể hiện rõ định hướng này.

Nhìn chung, mô hình “Tri – Hành – Đạt Nhân” đã khẳng định giá trị không chỉ trên phương diện triết lý giáo dục, mà còn như một chiến lược thích ứng trong kỷ nguyên số.

4.2. Kiến nghị

4.2.1. Đối với Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An (DLA);

1. **Đầu tư hạ tầng số:** Nâng cấp hệ thống LMS, thư viện số, phòng thí nghiệm mô phỏng và công cụ AI hỗ trợ học tập, nhằm thu hẹp khoảng cách công nghệ.
2. **Nâng cao năng lực giảng viên:** Tổ chức tập huấn về phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng AI và thiết kế học phần dựa trên trải nghiệm. Giảng viên cần vừa là người truyền đạt, vừa là người hướng dẫn, đồng hành với sinh viên.
3. **Tăng cường hoạt động trải nghiệm:** Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức nhiều dự án cộng đồng liên ngành để sinh viên áp dụng tri thức vào bối cảnh thực tế.
4. **Chú trọng giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội:** Thiết kế học phần chính về đạo đức nghề nghiệp trong kỷ nguyên số, lồng ghép phát triển bền vững và công dân toàn cầu vào chương trình đào tạo.

4.2.2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. **Hoàn thiện khung năng lực số quốc gia:** Đề xuất bộ chuẩn năng lực số cho sinh viên và giảng viên, đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống giáo dục.
2. **Khuyến khích mô hình tích hợp giá trị cốt lõi:** Xem xét nhân rộng các mô hình như “Tri – Hành – Đạt Nhân” sang các trường đại học khác, đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi đang chịu nhiều thách thức từ biến đổi khí hậu và dịch chuyển lao động.
3. **Tăng cường hợp tác công – tư:** Tạo cơ chế thu hút doanh nghiệp tham gia sâu vào hoạt động đào tạo, cung cấp môi trường thực hành và công nghệ cho sinh viên.

4.2.3. Đối với nghiên cứu học thuật:

1. **Mở rộng nghiên cứu định lượng:** Thực hiện khảo sát để đo lường mức độ tác động

của mô hình “Tri – Hành – Đạt Nhân” đến năng lực số, khả năng việc làm và trách nhiệm xã hội của sinh viên.

2. **So sánh liên trường, liên quốc gia:** Nghiên cứu so sánh giữa DLA và các trường trong nước hoặc quốc tế nhằm kiểm chứng tính phổ quát của mô hình.
3. **Phát triển công cụ đánh giá:** Xây dựng bộ chỉ số đánh giá sự phát triển toàn diện của sinh viên dựa trên ba trụ cột tri thức – hành động – nhân cách theo chuẩn quốc tế.

4.3. Thông điệp

Trong thời đại số hóa, người thành công không phải chỉ có nhiều tri thức, mà là biết hành động linh hoạt và sống có trách nhiệm. Mô hình “Tri – Hành – Đạt Nhân” của DLA thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tri thức, hành động và nhân cách – một định hướng không chỉ giúp sinh viên làm chủ công nghệ, mà còn giúp họ trở thành công dân toàn cầu, đóng góp tích cực cho cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Creswell, J. W. (2014). Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (4th ed.). Thousand Oaks, CA: SAGE Publications.
- [2] Dewey, J. (1938). Experience and education. New York, NY: Macmillan.
- [3] Kolb, D. A. (1984). Experiential learning: Experience as the source of learning and development. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [4] Mai, U. (2023). Digital transformation in higher education in Vietnam today. Revista Gestao e Secretariado, 14(8), 1–15. <https://doi.org/10.7769/gesec.v14i8.2699>
- [5] Nho, H.-J. (2016). Research ethics education in Korea for overcoming culture and value system differences. Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity, 2(1), 4. <https://doi.org/10.1186/s40852-016-0030-3>
- [6] Schaffar, B., & Wolff, L.-A. (2024). Phenomenon-based learning in Finland: A critical overview of its historical and philosophical roots. Cogent Education, 11(1), 2309733. <https://doi.org/10.1080/2331186X.2024.2309733>
- [7] UNESCO. (2025). Community-based learning in higher education: An analytical report. Paris: UNESCO.
- [8] Wolff, L.-A. (2022). Phenomenon-based learning. In S. Idowu, R. Schmidpeter, N. Capaldi, L. Zu, M. Del Baldo, & R. Abreu (Eds.), Encyclopedia of Sustainable Management. Springer. https://doi.org/10.1007/978-3-030-02006-4_1137-1